

Bản án số: 175/2020/DS-PT.

Ngày: 25-11-2020.

*“Tr/c hợp đồng mua bán tài sản
và cầm cố quyền sử dụng đất”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương;

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn;

Ông Nguyễn Thành Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và cầm cố quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2020/QĐPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thanh B**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Chiêm Thành L**, sinh năm 1993 (Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2020).

Địa chỉ: Ấp A, xã M2, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn:

+ Ông **Võ Minh T**, sinh năm 1968

+ Bà **Phạm Thị Kim C**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã B1, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Lê Thị Kim L1**, sinh năm 1946

+ Chị **Trần Thị Thủy T1**, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Mong Thọ B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

+ Chị **Lê Thị B1**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hưng, xã M1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

+ Anh **Võ Minh Q (V)**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 315 Ph, phường S, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Minh T.

Anh L, ông T, bà C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh B trình bày:**

Năm 2017, vợ chồng ông Võ Minh T và bà Phạm Thị Kim C có mua thức ăn gia súc của chị nhiều lần, đến ngày 17/6/2017 bà C và chị B tiến hành chốt nợ, vợ chồng bà C còn nợ chị B 106.394.000 đồng. Sau đó, bà C trả được 10.000.000 đồng. Đến ngày 08/9/2017 hai bên chốt nợ lại, vợ chồng bà C còn nợ chị B số tiền 96.394.000 đồng. Đến ngày 04/10/2017, bà C chuyển khoản trả cho chị B 10.000.000 đồng. Ngày 02/3/2018, ông T chuyển khoản trả cho chị B 10.000.000 đồng. Đến ngày 14/3/2018, ông T đến nhà trả cho chị B thêm 10.000.000 đồng nhưng em gái chị B tên Lê Thị B1 nhận giùm số tiền này và có làm biên nhận để tên ông T. Tổng cộng, ông T bà C đã trả cho chị B số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ chị B tổng cộng 66.394.000 đồng.

Đối với số tiền 20.109.000 đồng mà bà C cho rằng cần trừ vào tiền mua thức ăn gia súc của bà Lê Thị Kim L1 và chị Trần Thị Thủy T1 thì sự việc như sau: Ngày 27/6/2017, chị B và bà C chốt nợ tiền mua thức ăn gia súc. Bà C mới nói với chị B là có chia lại thức ăn gia súc cho bà L1 và chị Thương, chị B mới ghi lại cụ thể số tiền của bà L1 là 16.391.000 đồng, chị Thương là 3.790.000 đồng và đồng ý cho vợ chồng bà C cần trừ nợ sang cho chị Thương và bà L1. Sau khi trừ đi số tiền của hai người này còn lại số tiền vợ chồng bà C thiếu là 106.394.000 đồng và đến ngày 08/9/2017 hai bên chốt nợ, vợ chồng bà C vẫn còn nợ chị B số tiền 96.394.000 đồng. Về số tiền 20.109.000 đồng hiện nay chị Thương và bà L1 vẫn đang trả dần cho chị B.

Ngoài ra, vào tháng 03/2019 do ông T, bà C không trả nợ cho chị B số tiền 66.394.000 đồng nên chị B và vợ chồng ông T thỏa thuận vợ chồng ông T cõ diện tích đất ruộng 22 công tọa lạc tại ấp P, xã Mong Thọ B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cho chị B với giá 350.000.000 đồng, chị B có đưa tiền trước cho ông T, bà C là 50.000.000 đồng (trong đó 20.000.000 đồng là của anh Võ Minh Q (V)). Tuy nhiên, sau khi nhận tiền cõ đất của chị B thì ông T bà C lại đem đất đi cho người khác thuê nên chị B không tiếp tục cõ đất nữa. Sau đó chị B yêu cầu ông T, bà C trả lại số tiền 50.000.000 đồng cõ đất, cụ thể: 30.000.000 đồng trả cho chị B, 20.000.000 đồng trả cho anh Q. Vợ chồng ông T bà C đã trả cho anh Q 20.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng của chị chưa trả.

Chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Minh T bà Phan Thị Kim C trả cho chị số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 76.394.000 đồng và tiền lãi suất

theo quy định pháp luật kể từ ngày 14/3/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm và yêu cầu trả tiền cổ đất 30.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 13/3/2019.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mua thức ăn gia súc, yêu cầu vợ chồng ông T bà C trả cho chị số tiền mua thức ăn gia súc là 66.394.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 14/3/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Đồng thời, yêu cầu trả tiền cổ đất 30.000.000 đồng và rút lại yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền cổ đất.

*** Bị đơn ông Võ Minh T và bà Phạm Thị Kim C trình bày:**

Năm 2017, vợ chồng ông Võ Minh T và bà Phạm Thị Kim C có mua thức ăn gia súc của chị B nhiều lần, đến ngày 17/6/2017 bà C và chị B tiến hành chốt nợ, vợ chồng bà C còn nợ chị B 106.394.000 đồng. Sau đó, bà C trả được 10.000.000 đồng, đến ngày 08/9/2017 hai bên chốt nợ lại, vợ chồng bà C còn nợ chị B số tiền 96.394.000 đồng.

Đến ngày 04/10/2017, bà C chuyển khoản trả cho chị B 10.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau bà C đến nhà chị B trả cho chị B 10.000.000 đồng nhưng không có chị B ở nhà nên bà C giao số tiền này cho em gái chị B là chị Lê Thị B1 nhận giùm và bà C có điện thoại cho chị B biết nên bà không có làm biên nhận, khi đó có cha chị B bà ông Lê Minh B2 chứng kiến. Ngày 02/3/2018, ông T chuyển khoản trả cho chị B 10.000.000 đồng. Đến ngày 14/3/2018, ông T đến nhà trả cho chị B thêm 10.000.000 đồng nhưng em gái chị B tên Lê Thị B1 nhận giùm số tiền này. Tổng cộng, vợ chồng ông T bà C đã trả cho chị B số tiền 40.000.000 đồng, ông T bà C còn nợ lại chị B tổng cộng 56.394.000 đồng.

Đối với số tiền 20.109.000 đồng mà bà C chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị Kim L1 và chị Trần Thị Thủy T1 thì sau khi bà C ký chốt nợ với chị B số tiền 96.394.000 đồng xong, bà C với chị B mới thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả số tiền 20.109.000 đồng sang cho bà L1 và chị T1. Như vậy, vợ chồng ông bà chỉ còn phải trả cho chị B số tiền 76.285.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông bà đã trả cho chị B tổng cộng 40.000.000 đồng, còn lại 36.285.000 đồng. Ông bà đồng ý trả số tiền 36.285.000 đồng cho chị B.

Đối với số tiền cầm cổ đất, ông bà thống nhất với lời trình bày của chị B. Tuy nhiên, do chị B không có đất của ông bà nữa và đòi lại số tiền 50.000.000 đồng, chị B yêu cầu giao cho anh V 20.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng nói để tiếp ông bà đóng lãi.

Nay chị B đòi lại số tiền 30.000.000 đồng cổ đất vợ chồng ông bà không đồng ý vì chị B bỏ ngang không đồng ý cổ đất nữa nên ông bà không trả lại tiền đặt cọc cổ đất. Từ ngày đặt cọc đến khoảng hơn 01 tháng sau là ngày hẹn lấy tiền cổ đất còn lại 300.000.000 đồng thì chị B mới đổi ý là không tiếp tục nhận cổ đất của ông bà nữa với lý do không đủ tiền, để tiền mua xe tải chở hàng. Trong thời gian này, chị B chưa canh tác đất của ông bà nhưng đã cho anh Q thuê lại với giá 20.000.000 đồng, anh Q đang dọn đất nhưng chưa xạ lúa, sau khi anh Q nhận lại tiền 20.000.000 đồng thì đã trả lại đất cho ông bà, hiện nay ông bà đang quản lý và sử dụng đất.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Võ Minh Q trình bày:**

Anh Q xác nhận anh biết ông T và bà C cõ đất ruộng cho chị B với giá 350.000.000 đồng, do chị B không canh tác đất nên ông T cho anh canh tác đất và chị B cũng đồng ý cho anh canh tác đất và nói đưa cho ông T 20.000.000 đồng. Sau đó, giữa chị B và ông T xảy ra tranh chấp nên anh yêu cầu ông T trả lại cho anh số tiền 20.000.000 đồng. Nay anh đã nhận lại đủ số tiền 20.000.000 đồng nên không có yêu cầu gì trong vụ án này, anh không L1 quan gì đối với việc tranh chấp giữa chị B và ông T.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Lê Thị B1 trình bày:**

Vào ngày 14/3/2018, ông T có đến nhà chị để trả tiền mua thức ăn gia súc cho chị B nhưng chị B không có nhà, chị B1 đứng ra nhận thay cho chị B 10.000.000 đồng và viết biên nhận giao cho ông T. Khi đến trả tiền thì ông T đi một mình, chỉ có chị B1 và ông T, không còn ai khác chứng kiến việc trả tiền, khi chị B về nhà chị đã đưa tiền lại cho chị B. Chị B1 xác nhận chị không có nhận tiền của bà C mà chỉ nhận tiền một lần của ông T, bà C nói trả tiền cho chị B1 là không có.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- chị Trần Thủy T1 trình bày:**

Chị có mua thức ăn gia súc của chị B nhiều lần và sau khi mua đã thanh toán xong. Đối với số tiền 3.790.000 đồng là số tiền chị mua 10 bao thức ăn gia súc của chị B nhưng do số lượng ít nên chị B nhờ vận chuyển chung với phần thức ăn gia súc của bà C, sau đó chị đã thanh toán cho chị B nên không L1 quan gì đến bà C. Chị Thương xác định chị không yêu cầu gì trong vụ án.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim L1 trình bày:**

Việc bà C cho rằng bà Ca thức ăn gia súc của bà C với số tiền 16.319.000 đồng thì do bà già yếu không nhớ là có việc đó hay không, còn nếu có thì bà đã trả cho chị B rồi. Nay bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh B.

1. Tuyên bố giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất theo biên nhận ngày 13/3/2019 giữa chị Lê Thị Thanh B và ông Võ Minh T bà Phạm Thị Kim C vô hiệu.

Buộc ông Võ Minh T và bà Phạm Thị Kim C có nghĩa vụ L1 đối trả lại cho chị Lê Thị Thanh B số tiền 30.000.000 đồng.

2. Buộc ông Võ Minh T và Phạm Thị Kim C có nghĩa vụ L1 đối trả cho chị Lê Thị Thanh B số tiền nợ mua thức ăn gia súc là 66.394.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 15.614.785 đồng, tổng cộng 82.008.785 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh B đối với ông Võ Minh T bà Phạm Thị Kim C về số tiền nợ mua thức ăn gia súc là 10.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh B đối với ông Võ Minh T bà Phạm Thị Kim C về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền cổ đất 30.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*** Ngày 07/8/2020, ông Võ Minh T kháng cáo với nội dung:**

Không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử lại Bản án sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - anh Chiêm Thành L trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Võ Minh T, bà Phạm Thị Kim C trình bày: Đối với số tiền của bà L1, bà Thương giữa bà C và chị B đã đồng ý cần trừ trước khi chốt nợ nên yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền chốt nợ mua bán thức ăn còn thiếu chị B. Đồng thời, không đồng ý trả lãi cho chị B vì số tiền nợ không đúng, nếu là số tiền nợ thức ăn thì vợ chồng ông bà đã trả xong cho chị B; Đối với số tiền cổ đất không đồng ý trả lại cho chị B, do chị B không đồng ý cổ đất nữa nên mất tiền cọc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 – Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Võ Minh T, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Đối với số tiền nợ mua thức ăn gia súc:**

Chị B yêu cầu vợ chồng ông Võ Minh T, bà Phạm Thị Kim C trả số tiền 66.394.000 đồng.

Vợ chồng ông T bà C không đồng ý trả số tiền trên, chỉ đồng ý trả số tiền 36.285.000 đồng, với lý do: Vào ngày 08/9/2017, hai bên đã chốt nợ, vợ chồng

ông bà còn nợ chị B số tiền 96.394.000 đồng; sau khi chốt nợ xong, bà C và chị B đã thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ trả số tiền 20.109.000 đồng sang cho bà L1 và chị T1, như vậy vợ chồng ông bà chỉ còn phải trả cho chị B số tiền 76.285.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông bà đã trả cho chị B 04 lần tiền với tổng số 40.000.000 đồng nên vợ chồng ông bà chỉ còn nợ chị B số tiền 36.285.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Thanh B thừa nhận có thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ trả số tiền 20.109.000 đồng sang cho bà L1, chị T1 nhưng thỏa thuận chuyển giao số tiền này là trước khi viết biên nhận ngày 08/9/2017. Đồng thời, tại Biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2020 chị T1 cũng xác định số tiền 3.790.000 đồng là số tiền chị mua 10 bao thức ăn gia súc của chị B nhưng do số lượng ít nên chị B nhờ vận chuyển chung với phần thức ăn gia súc của bà C, sau đó chị đã thanh toán cho chị B nên không L1 quan gì đến bà C. Về phía bà L1 (mẹ của ông T) xác định không L1 quan đến số tiền tranh chấp giữa chị B với bà C, ông T. Bà C, ông T xác định đã thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ trả số tiền 20.109.000 đồng sang cho bà L1 và chị T1 sau khi chốt nợ ngày 08/9/2017 nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc thỏa thuận này. Do đó lời khai nại của bà C ông T không có cơ sở xem xét.

Về việc bà C cho rằng bà đã trả tiền 04 lần tiền với số tiền 40.000.000 đồng cho chị B nhưng chị B chỉ thừa nhận vợ chồng ông bà chỉ trả 30.000.000 đồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bà C cho rằng đến nhà chị B trả nhưng không có chị B ở nhà nên bà đã giao cho em gái chị B là chị Lê Thị B1 nhận giùm và bà C có điện thoại cho chị B biết nên bà không có làm biên nhận, khi đó có cha chị B bà ông Lê Minh Bi chứng kiến. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 28/5/2020, chị B1 xác định chị không nhận tiền của bà C mà chỉ nhận tiền một lần của ông T và có làm biên nhận cho ông T. Ngoài lời trình bày trên, bà C cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc bà C có đưa cho chị B1 số tiền 10.000.000 đồng để trả cho chị B.

Ông Võ Minh T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên yêu cầu kháng cáo của ông T không có cơ sở xem xét.

* Về lãi suất chậm trả đối với tiền nợ mua bán thức ăn gia súc: Tòa cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 – Bộ luật dân sự để tính mức lãi suất chậm thanh toán là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

* Đối với việc cầm cố quyền sử dụng đất:

Các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 13/3/2019 đã lập biên nhận thỏa thuận về việc vợ chồng ông T, bà C cố diện tích đất ruộng 22 công tọa lạc tại ấp P, xã Mong Thọ B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cho chị B với giá 350.000.000 đồng, chị B đưa trước cho ông T, bà C tổng số tiền là 50.000.000 đồng (trong đó của chị 30.000.000 đồng và anh Q đưa 20.000.000 đồng).

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền cố đất của chị B thì ông T bà C lại đem đất đi cho người khác thuê nên chị không tiếp tục cố đất nữa, chị yêu cầu vợ chồng

ông T, bà C trả cho chị số tiền 30.000.000 đồng và anh Q số tiền 20.000.000 đồng. Ông T, bà C cho rằng do bà B không tiếp tục cố đất nên ông bà đã trả lại cho anh Q 20.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng không đồng ý trả cho chị B do chị B bỏ ngang không tiếp tục cố đất nữa nên không đồng ý trả cọc cố đất.

Căn cứ khoản 1 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất không có quyền cầm cố quyền sử dụng đất nên việc chị B, ông T, bà C thỏa thuận cầm cố quyền sử dụng đất là trái quy định pháp luật. Do đó, giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất của hai bên là vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do vợ chồng ông T, bà C đã trả cho anh Q 20.000.000 đồng và sau khi anh Q rời nhận lại tiền 20.000.000 đồng thì đã trả lại đất cho ông T, bà C, hiện nay ông bà đang quản lý và sử dụng đất. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm buộc ông T, bà C phải có trách nhiệm trả lại cho chị B 30.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh T, giữ nguyên bản án Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng đã phân tích.

3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Minh T, bà Phạm Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới chịu án phí không có giá ngạch đối với số tiền cố đất là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ mua thức ăn gia súc phải trả cho chị B là 4.100.439 đồng (82.008.785 đồng x 5% = 4.100.439 đồng).

Chị Lê Thị Thanh B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.660.000 đồng theo biên lai thu số 0005312 ngày 11/10/2019 của C cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của ông Võ Minh T không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều: 122, 123, 131, 357, 430, 434, 440, 468 và 688 - Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Minh T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh B.

1. Tuyên bố giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất theo biên nhận ngày 13/3/2019 giữa chị Lê Thị Thanh B và ông Võ Minh T, bà Phạm Thị Kim C vô hiệu.

Buộc ông Võ Minh T và bà Phạm Thị Kim C có nghĩa vụ L1 đối trả lại cho chị Lê Thị Thanh B số tiền 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng.

2. Buộc ông Võ Minh T và Phạm Thị Kim C có nghĩa vụ L1 đối trả cho chị Lê Thị Thanh B số tiền nợ mua thức ăn gia súc là 66.394.000 (Sáu mươi sáu triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 15.614.785 (*Mười lăm triệu sáu trăm mười bốn nghìn bảy trăm tám mươi lăm*) đồng, tổng cộng 82.008.785 (*Tám mươi hai triệu không trăm lẻ tám nghìn bảy trăm tám mươi lăm*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh B đối với ông Võ Minh T, bà Phạm Thị Kim C về số tiền nợ mua thức ăn gia súc là 10.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh B đối với ông Võ Minh T, bà Phạm Thị Kim C về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền cổ đất 30.000.000 đồng.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Minh T, bà Phạm Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới nộp án phí không có giá ngạch 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng và án phí có giá ngạch là 4.100.439 (*Bốn triệu một trăm nghìn bốn trăm ba mươi chín*) đồng

Chị Lê Thị Thanh B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.660.000 (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0005312 ngày 11/10/2019 của C cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Minh T phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006556 ngày 13/8/2020 của C cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- C cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Hoàng Thị Thu Hường